

PHỤ LỤC 1A: DANH MỤC VẬT TƯ THIẾT BỊ, PHỤ KIỆN THANH LÝ ĐỢT 1/2026 không thuộc chất thải nguy

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
I	Kho Văn phòng Công ty Trụ sở chính				
1	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21.573,00
2	2.44.35.000.000.00.D10	Inox các loại	Kg	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
3	2.65.00.000.VIE.00.B10	Đồng phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,60
4	2.71.00.000.000.00.B10	Nhôm phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,80
5	3.02.20.904.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
6	3.10.88.592.000.00.B10	Sứ thủy tinh 120kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00
7	3.10.88.878.000.00.B10	Sứ thủy tinh 70kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
8	3.10.92.005.VIE.00.B10	Ty hạ thế MBA 3pha các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
9	3.20.53.101.000.00.B10	Test block đồng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
10	3.20.60.000.000.00.B10	KHÓA ĐỖ DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
11	3.20.60.913.VIE.00.B10	KHOÁ ĐỖ DÂY 185/29	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
12	3.20.60.914.CHN.00.B10	Khoá đờ dây TK50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
13	3.20.65.185.CHN.00.B10	Tạ chống rung cho dây AC 185mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00
14	3.20.65.713.CHN.00.B10	Tạ chống rung cáp quang OPGW-50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
15	3.30.14.000.000.00.D10	Cầu chì các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
16	3.30.14.763.000.00.D10	CẦU CHỈ ỚNG CHÁY 24KV (HU)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
17	3.42.80.024.000.00.B10	Chống sét van (LA) 24kV class 1	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
18	3.42.90.010.000.00.B10	Chống Sét Van (LA) 110kV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
19	3.46.02.000.000.00.D10	CB các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
20	3.46.04.110.000.00.B10	CB 2P 10A 110VDC	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
21	3.46.10.034.000.00.B10	CB Tép	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
22	3.46.55.000.000.00.D10	Công tắc tơ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
23	3.53.65.000.000.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
24	3.56.60.000.000.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
25	4.84.04.001.VIE.00.B10	Ổ khóa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
26	4.90.21.204.VIE.00.B10	Ống nhựa	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00
27	4.90.31.000.000.00.B10	Ống nhựa	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
28	4.94.70.010.000.00.B10	Ghế xoay	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
29	4.94.70.010.VIE.00.B10	Ghế xoay	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
30	4.94.70.056.VIE.00.B10	Bàn làm việc	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
31	4.94.70.212.VIE.00.B10	Tủ sắt các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
32	4.94.70.214.VIE.00.B10	Cửa nhôm khung kính	M2	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,80
33	4.94.70.290.VIE.00.D10	Giường xếp	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7,00
34	4.94.70.951.VIE.00.B10	Bàn sắt	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
35	4.94.80.087.VIE.00.D10	Máng xối tole	Mét	Hàng đề nghị thanh lý	20,00
36	4.94.80.185.000.00.B10	Cánh quạt	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
37	4.94.80.860.VIE.00.B10	Cánh cửa nhựa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00
38	5.01.64.001.000.00.B10	Vòng bi	Vòng	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
39	5.18.00.001.000.00.B10	Motor	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
40	5.28.10.008.VIE.00.D10	Cáp cầu ĐK 8mm	Mét	Hàng đề nghị thanh lý	70,00
41	5.50.10.709.000.00.B10	Contacto	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
42	5.50.25.004.VIE.00.D10	Anten VHF	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
43	8.32.92.001.KOR.00.B10	Máy bơm nước	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
44	8.35.55.032.VIE.00.B10	Bồn nước inox	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
45	8.90.30.001.000.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
46	8.90.90.002.VIE.00.D10	Bình CO2 30kg	Bình	Hàng đề nghị thanh lý	18,00
47	8.90.90.012.000.00.D10	Cuộn vòi PCCC các loại	Cuộn	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
48	8.90.90.012.VIE.00.B10	Cuộn vòi PCCC các loại	Cuộn	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
49	8.90.90.027.VIE.00.D10	Lăng chữa cháy	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
50	8.90.90.037.CHN.00.D10	Bình chữa cháy bột ABC (35 kg)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
51	8.90.90.066.VIE.00.B10	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
52	8.90.90.070.VIE.00.B10	Bình chữa cháy MFZ 30	Bình	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
53	8.90.90.075.VIE.00.B10	Bình chữa cháy MT5	Bình	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
54	3.02.80.600.VIE.00.A80	Móng neo 600x1500	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	4,00
55	3.20.74.087.VIE.00.B10	Bộ chằng xuống CX1-C5/8	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
56	5.20.00.039.000.00.B10	Ốp bảo vệ gạt mưa xe ô tô	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
57	5.26.00.013.000.00.D10	Heo thắng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
58	5.26.00.044.000.00.B10	Má phanh sau	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
II	Xí nghiệp lưới điện Cao thế Trụ sở chính				
1	3.02.20.916.000.00.B10	Trụ BTLT cắt góc 13-14 m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
III	Điện lực Trấn Biên				
1	3.02.20.083.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 8,5m-300kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
2	3.02.20.103.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
3	3.02.20.125.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 12m-540kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
4	3.02.20.923.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
5	3.02.20.924.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
6	3.02.20.926.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	41,00
7	3.02.20.928.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 10-11 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
8	3.02.20.991.VIE.00.B10	Trụ BT VUÔNG CẮT GÓC 3-4m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
9	3.02.20.993.VIE.00.B10	TRỤ BT VUÔNG CẮT GÓC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
10	3.02.20.995.VIE.00.B10	TRỤ BT VUÔNG CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
11	3.06.20.415.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x5-2600mm-0 ốp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
12	3.06.20.690.VIE.00.B10	Đà sắt L75-3200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
13	3.06.20.711.VIE.00.B10	Đà sắt V 75x75x8-2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	87,00
14	3.06.20.712.VIE.00.B10	Đà sắt L75-1200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
15	3.06.20.716.VIE.00.B10	Đà sắt L75X8X1600MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
16	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
17	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
18	3.06.20.741.VIE.00.B10	Đà sắt L 75x75x8-3200MM (03 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
19	3.06.30.101.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U100-400MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
20	3.06.30.108.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U100-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
21	3.06.30.125.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U120-2200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00
22	3.06.30.169.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U160-2800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
23	3.06.30.294.VIE.00.B10	Đà U160x2600MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
24	3.06.30.728.VIE.00.B10	Đà sắt V75x8x2600mm (3 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
25	3.06.30.764.VIE.00.B10	Đà L75x75x8x2200mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00
26	3.06.40.080.VIE.00.B10	Thanh sắt dẹt 8x300x560MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
27	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
28	3.06.40.115.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
29	3.06.40.369.VIE.00.B10	Đà sắt mạ kẽm U 160x60x5 - 3400mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
30	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	134,00
31	3.06.40.526.VIE.00.B10	Thanh chống V50x50x5-1100	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
32	3.06.40.532.VIE.00.B10	Thanh chống V50x1132mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
33	3.06.80.309.VIE.00.B10	Thanh sắt dẹt 8x300x740mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
34	3.06.80.614.VIE.00.B10	Chống sắt L60x8-1130mm	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	55,00
35	3.06.80.908.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50X5-2500MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
36	3.06.50.117.VIE.00.B10	ỐP ỐNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
37	3.06.50.910.VIE.00.B10	ỐP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
38	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
39	3.06.60.083.VIE.00.B10	BASS tam giác	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
40	3.06.60.084.VIE.00.B10	Giá đỡ tự bù trung thế	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
41	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37,00
42	3.06.60.902.VIE.00.B10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	69,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
43	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
44	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
45	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	113,00
46	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	235,00
47	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
48	3.10.93.870.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
49	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	455,20
50	2.42.01.003.000.00.B10	Thép các loại phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
51	2.65.00.000.VIE.00.B10	Đồng phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	194,50
52	2.76.81.005.VIE.00.B10	Dây chì các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,10
53	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,71
54	3.20.17.002.VIE.00.B10	Thanh cái đồng các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
55	3.20.17.125.VIE.00.B10	Thanh đồng nối cosse CB 800-1250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
56	3.20.17.322.VIE.00.B10	Thanh nối đầu cosse 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
57	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.125,00
58	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	78,00
59	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
60	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
61	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
62	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	55,00
63	3.20.22.703.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 5U 120-240	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
64	3.20.23.376.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 3U U50-120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	252,00
65	3.20.23.412.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X120 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
66	3.20.23.450.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X50 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
67	3.20.23.470.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X70 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
68	3.20.23.495.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	68,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
69	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	417,00
70	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
71	3.20.50.160.VIE.00.B10	Móc treo chữ A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
72	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	178,00
73	3.20.51.000.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
74	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	118,00
75	3.20.53.195.VIE.00.B10	Giáp núu cáp ACX 95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	77,00
76	3.20.53.240.VIE.00.B10	Giáp núu dùmng dây ACX 240mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	38,00
77	3.20.74.060.VIE.00.B10	BỘ CHẴNG LỆCH D60-1200MM	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
78	3.60.90.004.VIE.00.B10	Thùng sắt điện kế 3P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
79	3.62.95.068.VIE.00.B10	Thùng trạm 2 ngăn đứng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
80	3.62.95.379.VIE.00.B10	Thùng điện kế MCCB	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
81	3.62.95.386.VIE.00.B10	THÙNG MCCB TRẠM GIÀN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
82	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	246,00
83	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
84	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	513,00
85	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
86	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
87	4.38.00.067.VIE.00.B10	Bu lông 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
88	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
89	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00
90	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	122,00
91	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
92	4.38.50.010.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00
93	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	754,00
94	4.82.80.050.VIE.00.B10	GIÁP NÚU CÁP NHÔM BỌC 50MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
95	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÚI CẤP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
96	4.84.04.001.VIE.00.B10	Ổ khóa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
97	8.34.84.004.VIE.00.B10	Thang nhôm rút	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
98	3.30.22.106.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 24kV 100A polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
99	3.30.22.457.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
100	3.30.22.500.USA.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
101	3.30.22.500.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
102	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	109,00
103	3.42.05.630.VIE.00.B10	Dao cách ly (DS) 24kV 630A 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
104	3.42.10.366.VIE.00.B10	DS 3 pha 24KV 630A	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
105	3.42.26.630.USA.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
106	3.42.26.630.VIE.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
107	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	704,00
108	3.46.05.051.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
109	3.46.05.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	63,00
110	3.46.09.100.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
111	3.46.10.030.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 30A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
112	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	292,00
113	3.46.10.040.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00
114	3.46.10.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	222,00
115	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	186,00
116	3.46.10.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
117	3.46.10.100.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
118	3.46.13.225.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 225A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
119	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
120	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	89,00
121	3.46.14.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
122	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
123	3.46.14.100.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
124	3.46.15.100.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
125	3.46.15.125.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
126	3.46.15.200.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
127	3.46.15.250.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
128	3.46.15.250.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
129	3.46.15.320.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
130	3.46.15.400.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
131	3.46.15.400.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
132	3.46.15.400.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
133	3.46.15.500.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 500A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
134	3.46.15.630.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
135	3.46.15.630.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
136	3.46.15.630.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
137	3.53.12.771.USA.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	44,00
138	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
139	3.60.90.100.VIE.00.B10	Hộp 1 công tơ 1 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
140	3.60.90.152.VIE.00.B10	Hộp 2 công tơ 1 pha nhựa PC	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
141	3.60.90.168.VIE.00.B10	Hộp CB 3p ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
142	4.90.21.042.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 42	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
143	4.90.21.060.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC tròn ĐK 60	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	104,00
144	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	81,00
145	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	74,00
146	4.90.21.168.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 168	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
147	4.90.31.046.VIE.00.B10	Ống xoắn ruột gà ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
148	4.90.51.042.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 42	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
149	8.92.15.092.VIE.00.B10	Bảng chỉ danh thiết bị	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
150	8.40.60.001.000.00.B10	Nhựa các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	385,70
151	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	266,00
152	3.10.88.132.VIE.00.B10	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
153	3.10.88.595.VIE.00.B10	Sứ treo sành nâu P70BLX	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
154	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
155	3.53.65.153.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 200-400/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
156	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
157	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
158	5.50.10.709.KOR.00.B10	Contacto	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
159	5.95.00.114.CHN.00.B10	Động cơ cửa thang máy 0,07kW - 220V	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
160	8.90.20.017.VIE.00.B10	Dây quang trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
161	8.90.20.023.VIE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
162	8.90.20.100.VIE.00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
163	8.90.30.001.VIE.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
164	8.90.90.066.CHN.00.B10	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
165	8.90.90.075.VIE.00.B10	Bình chữa cháy MT5	Bình	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
166	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1.955,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
167	3.60.05.610.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	11,00
IV	Điện lực Long Bình				
1	3.02.20.518.VIE.00.B10	Trụ BTLT 14m (phần ngọn)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
2	3.02.20.885.VIE.00.B10	Trụ bê tông cắt góc (12-13 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
3	3.02.20.903.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 3-4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
4	3.02.20.906.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
5	3.02.20.927.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00
6	3.06.20.690.VIE.00.B10	Đà sắt L75 - 3200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
7	3.06.20.709.VIE.00.B10	Đà sắt L75-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,00
8	3.06.20.711.VIE.00.B10	Đà sắt V 75x75x8-2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
9	3.06.20.716.VIE.00.B10	Đà sắt L75X8X1600MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
10	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	7,00
11	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,00
12	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	18,00
13	3.06.20.724.VIE.00.B10	Đà sắt V 75x75x8-2400MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
14	3.06.20.733.VIE.00.B10	Đà sắt mạ kẽm L75x75x8 - 2400mm (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
15	3.06.30.710.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8 - 2000mm(3ốp) Lệch 2/3	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
16	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
17	3.06.40.115.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1150mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
18	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50 - 810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	42,00
19	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	26,00
20	3.06.40.510.VIE.00.B10	Thanh chống L50X1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
21	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	232,44
22	2.50.05.509.VIE.00.B10	Cáp thép chằng 5/8"	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	31,82
23	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	36,00
24	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	11,00
25	3.06.50.000.VIE.00.B10	Cổ dê các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	10,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
26	3.06.60.084.VIE.00.B10	Giá đỡ Tụ bù trung thế	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
27	3.06.60.136.VIE.00.B10	Giá treo MBT 3x25kVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
28	3.06.60.350.VIE.00.B10	Giá chùm treo máy biến áp <= 3x50KVA	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
29	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	9,00
30	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	78,00
31	3.10.92.213.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00
32	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
33	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	45,00
34	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	58,00
35	3.20.22.151.VIE.00.B10	KẸP NỐI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	332,00
36	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV - ABC tự treo 4x95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,00
37	3.20.22.703.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 5U 120-240	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	33,00
38	3.20.23.376.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 3U U50-120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00
39	3.20.23.495.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV - ABC tự treo 4x95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	6,00
40	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	60,00
41	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,00
42	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	42,00
43	3.20.75.010.VIE.00.B10	Kẹp chằng 3 Boulon	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	40,00
44	3.20.80.250.VIE.00.B10	Đầu cosse hạ thế máy biến áp 25KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
45	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
46	3.30.22.500.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	24,00
47	3.30.88.103.VIE.00.B10	LBFCO 15/27KV 200A POLYMER	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
48	3.34.72.001.VIE.00.B10	Bộ tuýp	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
49	3.38.95.003.VIE.00.B10	CẦU DAO HẠ THẾ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	48,00
50	3.42.26.630.VIE.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00
51	3.42.26.800.VIE.00.B10	LTD 24KV 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	17,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
52	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	307,00
53	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	649,00
54	3.46.10.034.VIE.00.B10	CB Tép	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	78,00
55	3.46.10.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	51,00
56	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	7,00
57	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	26,00
58	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	26,00
59	3.46.14.100.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
60	3.46.14.125.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
61	3.46.15.101.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 1000A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
62	3.46.15.160.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
63	3.46.15.250.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00
64	3.46.15.250.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
65	3.46.15.320.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
66	3.46.15.400.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
67	3.46.15.630.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
68	3.46.15.630.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
69	3.46.15.800.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
70	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	36,00
71	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	60,00
72	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	13,00
73	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
74	3.53.65.145.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
75	3.56.60.000.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	6,00
76	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	7,00
77	3.56.60.225.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V 15VA CCX0,5 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	12,00
78	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
79	3.60.90.009.VIE.00.B10	Thùng điện kế hiển thị trạm giàn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
80	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
81	3.62.95.386.VIE.00.B10	THÙNG MCCB TRẠM GIÀN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,00
82	3.64.34.307.VIE.00.B10	Tụ bù 200kVAR - 13.4kV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00
83	3.80.88.376.VIE.00.B10	yếm cấp 5/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	10,00
84	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	167,00
85	4.38.00.057.VIE.00.B10	Bu lông 16x100	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
86	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	205,00
87	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	48,00
88	4.38.00.067.VIE.00.B10	Bu lông 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
89	4.38.00.068.VIE.00.B10	Bu lông 16x450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00
90	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	76,00
91	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	26,00
92	4.70.00.000.VIE.00.B10	Long đèn các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	22,76
93	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CÁP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	6,00
94	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	26,00
95	3.10.88.132.VIE.00.B10	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
96	4.94.70.290.VIE.00.B10	Giường xếp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00
97	8.90.10.003.VIE.00.B10	Bộ tiếp địa hạ thế aptomat	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00
98	8.90.30.001.VIE.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00
99	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7.058,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
100	3.60.05.610.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 20 - 80A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	91,00
V	Điện lực Trảng Bom				
1	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
2	3.02.20.904.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
3	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
4	3.06.30.129.VIE.00.B10	Đà tháp trụ đơn U120-3000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
5	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4óp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
6	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
7	2.46.06.114.VIE.00.B10	Ống sắt tráng kẽm ĐK 114mm	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
8	2.46.06.167.VIE.00.B10	Ống sắt tráng kẽm đk 168	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
9	3.06.50.117.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
10	3.06.50.167.VIE.00.B10	ÓP ỐNG ĐK 168	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
11	3.06.60.610.VIE.00.B10	Gía đỡ cáp ngầm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
12	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
13	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
14	3.20.05.990.VIE.00.B10	NÓI ÉP NHÔM CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
15	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
16	3.20.22.151.VIE.00.B10	KẸP NÓI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	88,00
17	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
18	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
19	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
20	3.20.51.412.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC 4x120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
21	3.20.61.052.VIE.00.B10	KHÓA NÉO 50MM ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
22	3.20.75.010.VIE.00.B10	Kẹp chằng 3 Boulon	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
23	3.20.80.001.000.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
24	3.20.80.002.000.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG NHÔM CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
25	3.20.80.120.VIE.00.B10	Đầu Cosse ép đồng nhôm 120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
26	3.25.46.056.VIE.00.B10	Đầu cáp ngầm 24KV 3x50mm ² trong nhà	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
27	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
28	3.42.10.364.VIE.00.B10	DS 1P 24kV 630A Polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
29	3.42.26.630.VIE.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
30	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00
31	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
32	3.46.15.125.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
33	3.46.15.160.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
34	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
35	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
36	3.46.15.250.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
37	3.46.15.400.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
38	3.46.15.630.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
39	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
40	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
41	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00
42	3.56.60.000.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
43	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
44	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
45	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
46	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
47	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
48	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
49	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
50	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÚI CẤP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
51	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00
52	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,40
53	8.34.54.005.000.00.B10	Kích căng dây	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
54	8.90.20.017.VIE.00.B10	Dây quàng trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
55	8.90.20.023.TPE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
56	8.90.20.100.VIE.00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
57	8.90.30.001.VIE.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
58	3.10.88.001.KOR.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
59	3.10.88.132.VIE.00.B10	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
60	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
61	3.60.05.004.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 5A 220V GT	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
62	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	15.186,00
63	3.60.05.610.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	273,00
VI	Điện lực Xuân Lộc				
1	3.02.20.007.VIE.00.B10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 7.5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
2	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
3	3.02.20.082.VIE.00.B10	TRỤ BTLT DUL 8.5m-200kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
4	3.02.20.084.VIE.00.B10	TRỤ BTLT 8,4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
5	3.02.20.131.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
6	3.02.20.146.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 14m-650kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
7	3.02.20.904.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
8	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
9	3.02.20.909.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
10	3.02.20.910.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 10-11 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
11	3.02.20.924.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
12	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 2000mm (3 óp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
13	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3óp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
14	3.06.30.004.VIE.00.B10	Thanh chống sắt đẹp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
15	3.06.30.149.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÊM U140X4.9x58x-3000MM (đà tháp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
16	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4óp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
17	3.06.30.764.VIE.00.B10	Đà L75x75x8x2200mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
18	3.06.40.500.VIE.00.B10	Thanh chống L50X710 MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
19	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
20	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
21	3.06.40.510.VIE.00.B10	Thanh chống L50X1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
22	3.06.40.585.VIE.00.B10	Thanh chống sắt đẹp 50x5-710MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
23	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	748,30
24	2.46.06.063.VIE.00.B10	Ống chằng lệch đk 60 x1,2m	Ống	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
25	2.65.00.000.000.00.B10	Đồng phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,83
26	2.76.81.005.000.00.B10	Dây chì các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,50
27	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,40
28	3.06.50.000.VIE.00.B10	Cổ dê các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
29	3.06.60.175.VIE.00.B10	Giá treo MBA 1 pha 75-100kVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
30	3.06.60.349.VIE.00.B10	Giá chùm treo MBA 3x50KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
31	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	59,00
32	3.10.88.020.000.00.B10	Sứ treo polymer các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
33	3.10.88.132.000.00.B10	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
34	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	82,00
35	3.20.22.000.000.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	141,00
36	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
37	3.20.22.300.000.00.B10	Kẹp ngừng cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
38	3.20.22.429.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x70mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
39	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
40	3.20.22.976.VIE.00.B10	Kẹp AC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00
41	3.20.23.376.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 3U U50-120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00
42	3.20.24.000.VIE.00.B10	Kẹp quai các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
43	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
44	3.20.31.033.VIE.00.B10	Kẹp hotline	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
45	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
46	3.20.51.000.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
47	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	108,00
48	3.20.60.094.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 95-120mm ² (5U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
49	3.20.80.001.VIE.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
50	3.20.80.759.000.00.B10	ĐẦU COSSE HẠ THỂ MBA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
51	3.30.22.000.000.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
52	3.38.95.010.000.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
53	3.42.26.001.000.00.B10	LTD các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
54	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
55	3.46.05.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
56	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	264,00
57	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
58	3.46.14.020.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 20A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
59	3.46.15.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
60	3.46.15.125.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
61	3.46.15.150.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
62	3.46.15.160.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
63	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
64	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
65	3.46.15.400.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
66	3.60.05.019.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25.702,00
67	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
68	3.53.05.150.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
69	3.53.05.325.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 100/5A- 5VA-CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
70	3.53.05.328.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
71	3.53.05.329.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 300/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
72	3.53.05.330.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 400/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
73	3.53.12.771.000.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
74	3.53.65.000.000.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
75	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
76	3.53.65.143.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
77	3.53.65.740.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
78	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
79	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00
80	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
81	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cáp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
82	4.38.00.028.VIE.00.B10	Bu lông 12x40	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
83	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	86,00
84	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
85	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	54,00
86	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	52,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
87	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
88	4.38.00.069.VIE.00.B10	Bu lông 16x500	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
89	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
90	4.38.10.007.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16X500	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
91	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
92	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
93	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
94	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
95	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	84,00
96	4.82.80.009.000.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	41,00
97	4.90.21.060.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC tròn ĐK 60	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
98	8.90.10.005.000.00.B10	Bộ tiếp địa các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
99	3.60.05.019.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2 (ĐKĐ)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4.193,00
100	3.60.05.022.VIE.00.D10	Điện kế 1P2D 20-80A 220V CV141 (box CU)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
101	3.60.25.010.VIE.00.D10	Điện kế 3P4D 10-20A 220/380V MV3E4	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
102	3.60.25.030.VIE.00.D10	Điện kế 3P4D 30-60A 220/380V	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	68,00
103	3.60.25.050.VIE.00.D10	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
VII	Điện lực Dầu Giấy				
1	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
2	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
3	3.02.20.131.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
4	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
5	3.02.20.906.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
6	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
7	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ớp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
8	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4 ớp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
9	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
10	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
11	3.06.50.022.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 21	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
12	3.06.50.117.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
13	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
14	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
15	3.06.60.075.VIE.00.B10	Giá treo MBT 3x75kVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
16	3.06.60.080.VIE.00.B10	Giá L bắt FCO+LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
17	3.06.60.084.VIE.00.B10	Giá đỡ tụ bù trung thế	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
18	3.06.60.136.VIE.00.B10	Giá treo MBT 3x25kVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
19	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
20	3.06.60.730.VIE.00.B10	GIA TREO MBA 3*37,5KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
21	3.06.60.750.VIE.00.B10	GIA TREO MBA 3X 50kva	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
22	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
23	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
24	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
25	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	175,00
26	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
27	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
28	3.10.93.500.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 500mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
29	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
30	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
31	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
32	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
33	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
34	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM ² (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
35	3.20.74.615.VIE.00.B10	ỐNG CHẄNG LỆCH DK60 * 1,5M	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
36	3.20.80.095.VIE.00.B10	Đầu Cosse ép đồng nhôm 95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
37	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
38	3.30.22.100.USA.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
39	3.30.66.001.VIE.00.B10	Chi + DÂY Chi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,29
40	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00
41	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00
42	3.46.05.040.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
43	3.46.05.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
44	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	156,00
45	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
46	3.46.14.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
47	3.46.14.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
48	3.46.14.080.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
49	3.46.15.131.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
50	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
51	3.53.05.327.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
52	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
53	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00
54	3.60.90.100.VIE.00.B10	Hộp 1 công tơ 1 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
55	3.60.90.531.VIE.00.B10	Hộp 1 công tơ 3P nhựa PC (ngoài trời)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
56	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
57	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00
58	4.38.00.060.VIE.00.B10	Bu lông 16x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
59	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
60	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
61	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
62	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
63	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
64	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
65	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
66	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	80,00
67	4.82.80.009.000.00.B10	Giáp nú cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
68	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
69	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
70	4.90.80.085.VIE.00.B10	Khâu ven răng nhựa các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
71	8.90.20.017.TPE.00.B10	Dây quang trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
72	8.90.20.023.TPE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
73	8.90.20.098.000.00.B10	Dây da an toàn	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
74	8.90.30.001.VIE.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
75	8.90.90.005.VIE.00.B10	Bình CO2 MT-5 - 5kg	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
76	8.90.90.008.VIE.00.B10	Bình bột MFZ8 (8kg)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
77	4.90.51.000.VIE.00.B10	Co nhựa các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
78	4.94.70.055.VIE.00.B10	Ghế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
79	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	982,00
80	3.60.05.610.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	19,00
81	3.60.25.010.VIE.00.D10	Điện kế 3P4D 10-20A 220/380V MV3E4	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
VIII	Điện lực Long Thành				
1	3.02.20.516.VIE.00.B10	Trụ BTLT 14m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
2	3.02.20.879.VIE.00.B10	Trụ bê tông cắt góc (11-12 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
3	3.02.20.903.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 3-4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
4	3.02.20.904.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
5	3.06.20.669.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x6 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
6	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
7	3.06.40.130.VIE.00.B10	Đà sắt U100-3000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
8	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
9	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
10	2.46.06.167.VIE.00.B10	Ống sắt tráng kẽm đk 168	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
11	2.50.05.309.VIE.00.B10	Cáp thép chằng 3/8"	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
12	2.76.81.000.000.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	365,00
13	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,08
14	3.06.50.021.VIE.00.B10	Cổ dê phi 21	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
15	3.06.50.060.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 60	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
16	3.06.50.167.VIE.00.B10	ÓP ỐNG ĐK 168	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
17	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
18	3.06.60.610.VIE.00.B10	Giá đỡ cáp ngầm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
19	3.06.80.072.VIE.00.B10	Thanh chống đà sắt dẹp 60x6-720MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
20	3.06.80.092.VIE.00.B10	Thanh chống đà sắt dẹp 60x6-920MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
21	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
22	3.10.90.205.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 95-240	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
23	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	132,00
24	3.10.93.720.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 720mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
25	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
26	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
27	3.20.22.142.VIE.00.B10	Hotline 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
28	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
29	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
30	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
31	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
32	3.20.53.120.VIE.00.B10	Giáp núu dây ACX 120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
33	3.20.53.185.VIE.00.B10	Giáp núu dây ACX 185mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
34	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
35	3.30.22.000.000.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
36	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
37	3.42.26.001.000.00.B10	LTD các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
38	3.42.80.351.000.00.B10	Chống sét van (LA) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
39	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.169,00
40	3.46.05.051.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
41	3.46.05.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00
42	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	886,00
43	3.46.10.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
44	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
45	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	41,00
46	3.46.14.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
47	3.46.14.075.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 75A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
48	3.46.14.080.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
49	3.46.14.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
50	3.46.14.125.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
51	3.46.15.000.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
52	3.46.15.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
53	3.46.15.125.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
54	3.46.15.150.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
55	3.46.15.160.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
56	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
57	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
58	3.46.15.320.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
59	3.46.15.400.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
60	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
61	3.53.12.771.000.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	74,00
62	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,00
63	3.56.60.015.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 12000/120V 15VA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
64	3.56.60.056.VIE.00.B10	Biến điện áp TU 24kV 22000/√3/110/√3V-15VA CCX 0,5 epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
65	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
66	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
67	3.56.90.041.VIE.00.B10	TU cấp nguồn 1P 12.7/0.2KV -1KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
68	3.62.95.386.VIE.00.B10	THÙNG MCCB TRẠM GIÀN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
69	3.66.90.005.VIE.00.B10	Bugì	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
70	3.80.82.362.VIE.00.B10	Hộp phân phối quang ODF FC/PC (cho cáp 24 lõi)	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
71	4.38.00.028.VIE.00.B10	Bu lông 12x40	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00
72	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
73	4.38.00.057.VIE.00.B10	Bu lông 16x100	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
74	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
75	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
76	4.38.00.067.VIE.00.B10	Bu lông 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
77	4.38.00.073.VIE.00.B10	Bu lông 16x700	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
78	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
79	4.82.80.009.000.00.B10	Giáp níu cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	64,00
80	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CÁP NHÔM BQC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
81	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
82	4.90.51.000.VIE.00.B10	Co nhựa các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
83	4.94.70.861.VIE.00.B10	Khung cửa nhôm	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	171,00
84	5.20.00.025.000.00.B10	Mâm ép ambraya	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
85	5.20.00.043.000.00.B10	Đĩa côn xe ô tô	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
86	5.30.02.756.VIE.00.B10	Cao su gạt nước mưa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
87	5.38.11.018.000.00.B10	Két nước giải nhiệt	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
88	5.38.11.018.VIE.00.B10	Két nước giải nhiệt	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
89	8.90.20.100.VIE.00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
90	8.90.30.001.000.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
91	3.60.05.010.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CV141* (BOX AL)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2.005,00
IX	Điện lực Định Quán				
1	3.02.20.084.VIE.00.B10	TRỤ BTLT 8,4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
2	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
3	3.02.20.112.VIE.00.B10	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
4	3.02.20.131.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
5	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 2000mm (3 ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	85,00
6	3.06.20.647.VIE.00.B10	Đà sắt L60x2200mm (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
7	3.06.20.706.VIE.00.B10	Đà sắt L70x2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
8	3.06.20.709.VIE.00.B10	Đà sắt L75-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
9	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
10	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
11	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
12	3.06.20.733.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
13	3.06.30.004.VIE.00.B10	Thanh chống sắt đẹp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
14	3.06.30.887.VIE.00.B10	Đà U120x52x4,8x3200mm (tháp đầu trụ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
15	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt đẹp 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	116,00
16	3.06.40.115.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	74,00
17	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
18	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
19	3.06.40.510.VIE.00.B10	Thanh chống L50X1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
20	3.06.40.532.VIE.00.B10	Thanh chống V50x1132mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
21	3.06.40.594.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1132MM	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
22	3.06.80.055.VIE.00.B10	Thanh nối sắt đẹp 60x6 dài 780mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
23	3.06.80.640.VIE.00.B10	Đà sắt L63x63x6x2000mm (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
24	3.06.80.641.VIE.00.B10	Đà sắt L63x63x6x2100mm (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
25	3.06.80.713.VIE.00.B10	Đà sắt L70x70x7x2140mm (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00
26	3.53.05.000.000.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	44,00
27	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
28	3.56.60.000.000.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
29	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	65,00
30	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,20
31	2.71.00.000.000.00.B10	Nhôm phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,50
32	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	145,00
33	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	89,68
34	3.06.50.117.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
35	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	41,00
36	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
37	3.06.60.080.VIE.00.B10	Giá L bắt FCO+LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
38	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
39	3.06.60.725.VIE.00.B10	GIA TREO MBA 3*25KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
40	3.06.60.750.VIE.00.B10	GIA TREO MBA 3X 50kva	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
41	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
42	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
43	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
44	3.06.80.520.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50X5 -2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
45	3.06.80.530.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50x5-3000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
46	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
47	3.10.88.020.000.00.B10	Sứ treo polymer các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
48	3.10.88.132.000.00.B10	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
49	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	54,00
50	3.10.92.720.VIE.00.B10	CHÂN SỨ ĐỈNH 720MM (BỌC CHÌ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
51	3.10.92.870.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 870mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
52	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	63,00
53	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
54	3.20.22.142.VIE.00.B10	Hotline 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
55	3.20.22.459.000.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50-95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
56	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
57	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
58	3.20.32.095.VIE.00.B10	ÓC XIẾT CÁP THÉP DK 95MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
59	3.20.51.000.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
60	3.20.53.071.VIE.00.B10	Giáp nú dây bọc ACX 70/11	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
61	3.20.53.185.VIE.00.B10	Giáp nú dây ACX 185mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	72,00
62	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM ² (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
63	3.20.65.005.VIE.00.B10	Vòng treo VT-16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
64	3.20.65.950.VIE.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
65	3.20.74.039.VIE.00.B10	KẸP DÂY CHẰNG	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
66	3.20.84.099.VIE.00.B10	Đầu cosse ép đồng 95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
67	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
68	3.30.80.001.VIE.00.B10	Cần FCO 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
69	3.38.95.010.000.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	229,00
70	3.42.26.001.000.00.B10	LTD các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
71	3.42.80.351.000.00.B10	Chống sét van (LA) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
72	3.46.13.226.000.00.B10	MCB các loại PL	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	685,00
73	3.46.15.100.JPN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
74	3.46.15.125.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
75	3.46.15.125.JPN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
76	3.46.15.125.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
77	3.46.15.150.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
78	3.46.15.160.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
79	3.46.15.160.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
80	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
81	3.46.15.200.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
82	3.46.15.200.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
83	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
84	3.46.15.250.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
85	3.46.15.250.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
86	3.46.15.250.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
87	3.46.15.300.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 300A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
88	3.46.15.320.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
89	3.46.15.320.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
90	3.46.15.400.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
91	3.46.15.400.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
92	3.46.15.630.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
93	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	252,00
94	3.60.90.100.VIE.00.B10	Hộp 1 công tơ 1 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
95	3.60.90.103.VIE.00.B10	Hộp 1 công-tơ 3 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
96	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
97	3.62.95.068.000.00.B10	Thùng trạm 2 ngăn đứng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	38,00
98	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cáp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
99	4.38.00.042.VIE.00.B10	Bu lông 14x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	92,00
100	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	142,00
101	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	268,00
102	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00
103	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
104	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	84,00
105	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
106	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
107	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
108	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	460,00
109	4.82.80.009.VIE.00.B10	Giáp núm cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
110	4.90.21.096.000.00.B10	Ống nhựa PVC các loại	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	217,20
111	4.90.31.040.VIE.00.B10	Ống xoắn ruột gà ĐK100	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	47,60

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
112	4.90.31.061.VIE.00.B10	Ống xoắn ruột gà ĐK 60	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,80
113	4.90.51.114.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
114	4.90.80.044.VIE.00.B10	Khâu VRN ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
115	4.90.80.114.000.00.B10	KHÂU VRT DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
116	8.90.20.023.TPE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
117	8.90.20.090.VIE.00.B10	Dây quang trụ chính	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
118	8.90.20.100.VIE.00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
119	8.90.30.001.USA.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
120	8.90.90.005.VIE.00.B10	Bình CO2 MT-5 - 5kg	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
121	8.90.90.066.CHN.00.B10	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
122	8.90.90.151.000.00.B10	Dây và loa bình chữa cháy khí CO2 - 5kg	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
123	8.90.90.153.VIE.00.B10	Dây và loa bình chữa cháy MFZ8 - 8kg	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
124	8.92.15.101.VIE.00.B10	Bảng thông báo thời gian và địa điểm thanh toán tiền điện	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
125	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	20.209,00
126	3.60.05.022.VIE.00.D10	Điện kế 1P2D 20-80A 220V CV141 (box CU)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	11,00
127	3.60.25.050.VIE.00.D10	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	50,00
X	Điện lực Long Khánh				
1	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLL 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
2	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLL 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
3	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLL CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
4	3.02.20.949.VIE.00.B10	Trụ bê tông 12m cắt góc (9-10 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
5	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ớp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
6	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ớp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
7	3.06.20.737.VIE.00.B10	Đà L75x75x8 - 2000MM(2ớp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
8	3.06.40.115.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
9	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
10	3.06.40.989.VIE.00.B10	Đà sắt các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	903,70

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
11	3.06.80.118.VIE.00.B10	Thanh chống các loại phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	191,80
12	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	81,25
13	3.06.50.000.VIE.00.B10	Cổ dê các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
14	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
15	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
16	3.06.80.913.VIE.00.B10	Bass L+I bắt FCO+LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
17	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
18	3.10.92.213.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
19	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
20	3.20.22.435.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x35mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
21	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
22	3.20.23.495.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4x95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
23	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
24	3.20.31.033.VIE.00.B10	Kẹp hotline	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
25	3.20.31.054.VIE.00.B10	Kẹp cáp nhôm AC 50-70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
26	3.20.31.092.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	137,00
27	3.20.31.095.000.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-50 mm ² (2 Boulon)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	209,00
28	3.20.31.098.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-95	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00
29	3.20.32.071.VIE.00.B10	Kẹp Ubolt AC 70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
30	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	46,00
31	3.20.51.002.VIE.00.B10	móc treo cáp đôi	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
32	3.20.51.495.VIE.00.B10	Móc treo cáp đơn ABC 4x95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
33	3.20.53.195.VIE.00.B10	Giáp níu cáp ACX 95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	159,00
34	3.20.60.094.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 95-120mm ² (5U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
35	3.20.60.797.VIE.00.B10	KHÓA ĐỠ DÂY	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
36	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
37	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
38	3.30.22.500.USA.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
39	3.38.01.060.VIE.00.B10	Cầu dao 1 pha 60A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	43,00
40	3.38.95.030.VIE.00.B10	Cầu dao 30A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
41	3.42.26.376.VIE.00.B10	LTD 1P 24KV 600A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
42	3.42.80.020.USA.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
43	3.42.80.020.VIE.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
44	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	240,00
45	3.46.05.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
46	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	932,00
47	3.46.10.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
48	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
49	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
50	3.46.14.063.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
51	3.46.14.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
52	3.46.14.080.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
53	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
54	3.46.15.050.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
55	3.46.15.075.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 75A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
56	3.46.15.080.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
57	3.46.15.100.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
58	3.46.15.160.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
59	3.46.15.160.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
60	3.46.15.200.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
61	3.46.15.200.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
62	3.46.15.250.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
63	3.46.15.320.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
64	3.46.15.800.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
65	3.53.05.150.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
66	3.53.05.300.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 300/5A 10VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
67	3.53.05.325.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 100/5A- 5VA-CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
68	3.53.05.328.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
69	3.53.65.143.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
70	3.53.65.145.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
71	3.53.65.745.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 25-50/5A 10VA epoxy vacuum (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
72	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
73	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
74	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00
75	3.60.90.045.VIE.00.B10	Thùng sắt các loại phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	491,00
76	3.80.88.006.VIE.00.B10	Yếm cáp giáp nư	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	159,00
77	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
78	4.38.00.047.VIE.00.B10	Bu lông 14x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
79	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	82,00
80	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
81	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00
82	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
83	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
84	4.38.10.009.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x600	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
85	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
86	4.38.50.007.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
87	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
88	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
89	4.70.21.016.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 16	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
90	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	47,00
91	4.82.80.213.VIE.00.B10	Giáp níu cáp nhôm AsXV 24kV-120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
92	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CÁP NHÔM BQC 240MM ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
93	4.90.21.095.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC các loại - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,70
94	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
95	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1.840,00
96	3.60.05.610.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	84,00
97	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37,00
98	5.26.00.023.000.00.B10	Cuppen thẳng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
99	5.38.11.018.VIE.00.B10	Két nước giải nhiệt	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
XI	Điện lực Nhơn Trạch				
1	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
2	3.02.20.904.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
3	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
4	3.02.20.909.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
5	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
6	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
7	3.06.20.783.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x8-800MM (01 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
8	3.06.30.028.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x7x2000mm-2 ốp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
9	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
10	3.06.30.799.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x6x2000mm 3ốp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
11	3.06.40.503.VIE.00.B10	Thanh chống V 50x50x5-1142MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
12	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	63,00
13	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
14	2.76.81.000.000.00.B10	Dây chằng các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	76,00
15	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phở liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,22
16	3.06.50.000.VIE.00.B10	Cổ dê các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
17	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
18	3.10.88.070.VIE.00.B10	Cách điện thủy tinh 70kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
19	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	107,00
20	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
21	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
22	3.20.22.142.VIE.00.B10	Hotline 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
23	3.20.22.151.VIE.00.B10	KẸP NỐI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
24	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
25	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
26	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
27	3.20.31.033.VIE.00.B10	Kẹp hotline	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
28	3.20.31.092.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	102,00
29	3.20.51.412.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC 4x120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
30	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
31	3.20.61.052.VIE.00.B10	KHÓA NÉO 50MM ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
32	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM ² (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
33	3.20.61.185.VIE.00.B10	KHÓA NÉO DÂY AC 185 MM ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
34	3.20.80.001.VIE.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
35	3.20.84.050.VIE.00.B10	Đầu cosse ép đồng 50mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
36	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
37	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
38	3.42.05.631.FRA.00.B10	Dao cách ly (DS) 3 pha 24KV 630A	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
39	3.42.05.640.FRA.00.B10	Dao cách ly (DS) 1pha 35KV 600A	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
40	3.42.10.364.VIE.00.B10	DS 1P 24kV 630A Polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
41	3.42.26.800.VIE.00.B10	LTD 24KV 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	96,00
42	3.42.80.020.000.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
43	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	137,00
44	3.46.05.063.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
45	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
46	3.46.10.032.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	118,00
47	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00
48	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
49	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
50	3.46.14.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
51	3.46.14.063.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
52	3.46.14.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
53	3.46.15.176.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 175A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
54	3.46.15.200.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
55	3.46.15.200.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
56	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
57	3.46.15.250.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
58	3.46.15.250.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
59	3.46.15.250.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
60	3.46.15.250.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
61	3.46.15.320.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
62	3.46.15.320.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
63	3.46.15.400.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
64	3.46.15.630.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
65	3.46.15.630.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
66	3.53.05.150.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
67	3.53.05.322.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 1000/5A 15VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
68	3.53.05.325.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 100/5A- 5VA-CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
69	3.53.05.327.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
70	3.53.05.330.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 400/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
71	3.53.05.331.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 500/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
72	3.53.12.771.USA.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00
73	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	120,00
74	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
75	3.53.65.145.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
76	3.53.65.740.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
77	3.53.65.750.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 30-60/5A 10VA epoxy vacuum (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
78	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
79	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
80	4.38.00.018.VIE.00.B10	Bu lông 10x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
81	4.38.00.036.VIE.00.B10	Bu lông 12x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
82	4.38.00.038.VIE.00.B10	Bu lông 12x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
83	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	73,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
84	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
85	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	92,00
86	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
87	4.38.00.068.VIE.00.B10	Bu lông 16x450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
88	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
89	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
90	4.82.80.009.VIE.00.B10	Giáp níu cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
91	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CÁP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
92	4.84.04.001.VIE.00.B10	Ổ khóa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
93	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
94	4.90.31.902.000.00.B10	Ống nhựa xoắn HDPE các loại	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	98,50
95	4.90.51.090.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
96	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6.180,00
97	3.60.05.610.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
XII	Điện lực Trị An				
1	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
2	3.30.14.762.VIE.00.B10	CẦU CHÌ CÁ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
3	3.53.05.000.000.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
4	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
5	3.53.65.000.000.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
6	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
7	3.53.65.730.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy vacuum (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
8	3.56.60.000.000.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
9	3.56.60.000.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
10	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
11	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phở liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,53

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
12	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
13	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
14	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
15	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
16	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	145,00
17	3.06.60.965.VIE.00.B10	BAT SẮT CHỮ T	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
18	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
19	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	77,00
20	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
21	3.20.22.300.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	45,00
22	3.20.22.428.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x50mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
23	3.20.22.429.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x70mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,00
24	3.20.22.437.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x25mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
25	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
26	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	44,00
27	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
28	3.20.23.376.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 3U U50-120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00
29	3.20.24.000.VIE.00.B10	Kẹp quai các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
30	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
31	3.20.31.007.VIE.00.B10	Kẹp Boulon U 50-70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
32	3.20.31.033.VIE.00.B10	Kẹp hotline	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
33	3.20.31.054.VIE.00.B10	Kẹp cáp nhôm AC 50-70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
34	3.20.31.092.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	897,00
35	3.20.45.018.VIE.00.B10	MẮT NÓI ĐƠN 1-9	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
36	3.20.50.160.VIE.00.B10	Móc treo chữ A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
37	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
38	3.20.50.959.VIE.00.B10	Vòng treo đầu tròn 120kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
39	3.20.53.003.VIE.00.B10	KỆP CẤP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	236,00
40	3.20.94.010.VIE.00.B10	HỘP PHÂN PHỐI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	63,00
41	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
42	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
43	3.42.26.800.VIE.00.B10	LTD 24KV 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
44	3.42.80.020.000.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
45	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	87,00
46	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	243,00
47	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00
48	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	46,00
49	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
50	3.46.14.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
51	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
52	3.46.15.320.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
53	3.46.15.400.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
54	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
55	3.62.95.002.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm giàn 2 ngăn ngang	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
56	3.62.95.011.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm giàn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
57	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cấp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00
58	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
59	4.38.00.060.VIE.00.B10	Bu lông 16x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
60	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00
61	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
62	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
63	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
64	4.38.10.008.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x550	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
65	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	60,00
66	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
67	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
68	4.82.80.009.VIE.00.B10	Giáp nú cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
69	4.90.21.095.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC các loại - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
70	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00
71	3.10.88.132.000.00.B10	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
72	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6.198,00
73	3.60.05.610.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	73,00
74	3.60.25.050.VIE.00.D10	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	17,00
XIII	Điện lực Cẩm Mỹ				
1	3.02.20.072.VIE.00.B10	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
2	3.02.20.082.VIE.00.B10	TRỤ BTLT DUL 8.5m-200kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
3	3.02.20.103.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
4	3.02.20.123.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 12m - 350kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
5	3.02.20.923.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
6	3.02.20.925.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 7-8 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
7	3.06.20.664.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8-2000mm 4 ốp	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
8	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
9	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
10	3.06.30.186.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U160 -2400MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
11	3.06.30.859.VIE.00.B10	Đà U160x5-2000 MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
12	3.06.40.500.VIE.00.B10	Thanh chống L50X710 MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	38,00
13	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
14	3.06.40.510.VIE.00.B10	Thanh chống L50X1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
15	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,60
16	2.50.05.000.VIE.00.B10	Cáp thép phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	216,10
17	3.06.50.002.VIE.00.B10	ÓP THÙNG TRẠM TREO Đ/LỰC	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
18	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
19	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	120,00
20	3.06.80.913.VIE.00.B10	Bass L+I bắt FCO+LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
21	3.10.88.001.000.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
22	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	150,00
23	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	131,00
24	3.10.92.870.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 870mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
25	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00
26	3.20.22.151.VIE.00.B10	KEP NỐI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	80,00
27	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
28	3.20.23.412.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X120 mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
29	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00
30	3.20.31.054.VIE.00.B10	Kẹp cáp nhôm AC 50-70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	54,00
31	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	196,00
32	3.20.53.110.VIE.00.B10	Giáp núu dây bọc 50mm ²	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
33	3.20.53.127.VIE.00.B10	Giáp núu dây cáp bọc 24KV 95 mm ² +yêm	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
34	3.20.53.129.VIE.00.B10	Giáp núu dây cáp bọc 24kV 120mm ² + yêm	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
35	3.20.60.049.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 50-70 mm ² (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	138,00
36	3.20.65.005.VIE.00.B10	Vòng treo VT-16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	75,00
37	3.20.65.950.VIE.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	75,00
38	3.20.70.300.VIE.00.B10	MÁNG CHE DÂY CHẰNG	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
39	3.20.74.612.VIE.00.B10	ỐNG CHẰNG LỆCH DK60 * 1,2M	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
40	3.20.75.010.VIE.00.B10	Kẹp chằng 3 boulon	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	379,00
41	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
42	3.30.22.452.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 24KV 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
43	3.38.05.002.000.00.B10	Cầu dao 2P 250v 30A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
44	3.42.10.366.VIE.00.B10	DS 3 pha 24KV 630A	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
45	3.42.26.800.VIE.00.B10	LTD 24KV 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
46	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
47	3.46.05.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00
48	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	166,00
49	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	152,00
50	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
51	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
52	3.46.15.320.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
53	3.46.15.400.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
54	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
55	3.53.12.771.000.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
56	3.53.65.740.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
57	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
58	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/ $\sqrt{3}$ /100/ $\sqrt{3}$ V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
59	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
60	3.80.88.372.VIE.00.B10	Yếm thép mạ kẽm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
61	4.38.00.017.VIE.00.B10	Bu lông 10x40	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
62	4.38.00.028.VIE.00.B10	Bu lông 12x40	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00
63	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
64	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	229,00
65	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
66	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	117,00
67	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	223,00
68	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
69	4.38.00.067.VIE.00.B10	Bu lông 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
70	4.38.00.068.VIE.00.B10	Bu lông 16x450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
71	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
72	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00
73	4.38.10.006.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16X450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
74	4.38.10.007.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16X500	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
75	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	86,00
76	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
77	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
78	4.84.04.005.TPE.00.B10	Ổ khóa số 10 số (dạng nhấn)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
79	4.90.21.095.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC các loại - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	34,00
80	5.65.35.000.VIE.00.B10	Máy cưa cầm tay	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
81	8.34.54.107.VIE.00.B10	Kích tăng dây 1T	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
82	8.40.60.001.000.00.B10	Nhựa các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,70
83	8.90.10.074.VIE.00.B10	Dây tiếp địa trung thế	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
84	8.90.30.001.000.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
85	8.90.30.001.000.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
86	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
87	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
88	3.06.30.165.VIE.00.A80	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U160-1500MM	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00
89	3.46.15.125.CHN.00.A80	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00

STT	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
90	3.46.15.125.FRA.00.A80	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00
91	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7.091,00